

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Lê Hồng S và bà Hoàng Thị H chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X1, huyện X2, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 99/2012 ngày 17/7/2012. Ông S và bà H xác định có hai con chung là cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 10/7/2013 và Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 01/8/2015. Ly hôn, ông S và bà H thống nhất giao hai con cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng/02 con từ tháng 12 năm 2021 đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Ông S và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông S và bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông S và bà H thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông S và bà H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy, ông S và bà H thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của ông S và bà H đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận đơn yêu cầu của ông S và bà H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lê Hồng S và bà Hoàng Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 10/7/2013 và Lê Hoàng Bảo C, sinh ngày 01/8/2015 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Hồng S cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng/02 con từ tháng 12 năm 2021 đến khi các con trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, ông S vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông S có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của

một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Hồng S và bà Hoàng Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0000391 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông S, bà H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thành Thị Thu Trang